

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hoàng Dung

Bà Lê Thị Ngân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1987; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh; số CCCD: 038087046266; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D (Chết); con bà: Ngọc Thị Á; có 02 con; tiền sự: Ngày 09/12/2022 bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây tổn hại sức khỏe người khác, phạt tiền 6.500.000đ, chưa nộp phạt; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 05/6/2016, bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau phạt tiền 500.000đ, đã nộp phạt; Ngày 15/01/2019, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc theo Bản án số 07/2019/HSPT, đã chấp hành xong hình phạt; bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Phạm Văn M; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1985; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn I, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038085013819; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Thanh H; con bà: Phạm Thị L; có vợ là Phạm Ngọc S và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 28/10/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử

phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng theo bản án số 272/2011/HSST, đã chấp hành xong hình phạt; bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay. Có mặt.

3. Bùi Văn N; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1991; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038091001838; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Ngọc T1; con bà: Bùi Thị V; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 24/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong; Ngày 01/12/2024, bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt cảnh cáo; bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024, tạm giam từ ngày 01/10/2024 cho đến nay. Có mặt.

4. Phạm Văn K; sinh ngày 08 tháng 4 năm 1995; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038095023598; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc K1; con bà: Phạm Thị C; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 09/4/2019, bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000đ, đã chấp hành xong hình phạt; bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024, tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Chị Hà Thị H1; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn D1; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Chị Phạm Thị Đ; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

4. Anh Phạm Thái H2; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 05/8/2024, chị Hà Thị H1, sinh năm 1986, trú tại thôn F, xã N, huyện N đến Công an xã N trình báo về việc: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/8/2024, chị H1 đi từ nhà hàng xóm về thì thấy Bùi Văn N, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã N, huyện N và Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn F, xã N, huyện N đang ở quán ăn của gia đình, lúc này Nguyễn Văn T có biểu hiện sốc ma túy nên chị H1 đã gọi cho chồng là Phạm Văn D1, sinh năm 1988 trú tại thôn

F, xã N, huyện N để báo cáo Công an xã N xác minh làm rõ.

Cùng ngày, Nguyễn Văn T, Bùi Văn N, Phạm Văn M sinh năm 1985, trú tại thôn I, xã N, huyện N đến Công an xã N đầu thú. Ngày 06/8/2024, Phạm Văn K sinh năm 1995, trú tại thôn A, xã N, huyện N đến Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét thấy vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết nên Công an xã N đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 2993/KL-KTHS, ngày 14/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

“- Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine bám dính bên trong nỏ hút được làm bằng cuống lá đu đủ niêm phong trong túi niêm phong mã số NP 0232 gửi giám định.

- Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine bám dính bên trong chai nhựa niêm phong trong túi niêm phong mã số NP 0336 gửi giám định”.

Tại Kết luận giám định số 6021/KL-KTHS ngày 15/8/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“- Điều tìm thấy chất ma túy Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn T, Bùi Văn N và Phạm Văn M gửi giám định.

- Tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của Heroine trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn T và Bùi Văn N gửi giám định”.

Tại Kết luận giám định số 6060/KL-KTHS, ngày 21/8/2024, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“- Tìm thấy chất ma túy Morphine trong xilanh (niêm phong ký hiệu A1) gửi giám định.

- Tìm thấy chất ma túy Heroine và M1 trong xilanh (niêm phong ký hiệu A2) gửi giám định”.

Tại Kết luận giám định số 6063/KL-KTHS ngày 13/9/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“- Dấu vết màu nâu đỏ bám dính trong chiếc xi lanh đựng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là máu người và là máu của Bùi Văn N.

- Dấu vết màu nâu đỏ bám dính trong chiếc xi lanh đựng trong phong bì ký hiệu A2 gửi giám định là máu người và là máu của Nguyễn Văn T”.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/8/2024, Nguyễn Văn T nhắn tin, gọi điện rủ Phạm Văn M góp tiền mua ma túy loại hồng phiến để sử dụng, M đồng ý. Sau đó T gửi số tài khoản ngân hàng của T cho M để M chuyển số tiền 200.000đ vào tài khoản của T. Sau đó, T gọi điện thoại cho Phạm Văn K hỏi mua ma túy hồng phiến với số tiền là 400.000đ, K đồng ý rồi hẹn T đến nhà K ở thôn A, xã N, huyện N để giao ma túy. Sau đó T đến gặp và mua được 05 (Năm) viên ma túy hồng phiến, T chuyển trước cho K

200.000đ. Mua được ma túy, T mang ma túy về nhà mình và làm một bộ dụng cụ để sử dụng ma túy từ một chai nhựa làm bình và cuống lá đu đủ làm nỏ hút rồi chờ M. Một lúc sau, M đến nhà của T rồi cả hai đi lên phòng trên tầng 2 nhà ở của T để sử dụng ma túy. Khi vào phòng, T lấy 05 (Năm) viên hồng phiến mua của K rồi để cùng bình nhựa tự chế, bật lửa, giấy bạc xuống dưới đệm được trải trên nền phòng. T và M cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên bằng cách hút. Cách thức sử dụng là người nào sử dụng thì bỏ ma túy vào dụng cụ sử dụng còn người kia cầm bật lửa châm cho hút. Sau khi sử dụng hết 05 (Năm) viên hồng phiến trên, cả hai đi xuống nhà, sau đó M đi về nhà. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, K đến nhà T lấy nốt số tiền 200.000đ còn lại.

Chiều ngày 05/8/2024, Bùi Văn N có nhờ một người tên “Chiềng” (không rõ tên tuổi, địa chỉ) dẫn đi mua ma túy loại heroin tại khu vực huyện L, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 500.000đ. Sau khi mua được ma túy N đi đến quán bia ở thôn F, xã N, huyện N thì gặp Nguyễn Văn T đang ngồi trong quán. Tại đây T hỏi N “có còn ma túy không” N nói “còn ít” thì T bảo N đi mua dụng cụ để sử dụng ma túy, N đi đến tiệm thuốc ở gần chợ N mua 02 (Hai) bơm kim tiêm và 01 (Một) lọ nước cất. Mua được dụng cụ sử dụng ma túy, N quay lại gặp T, sau đó cả hai đi vào khu vực nhà vệ sinh nhà anh Phạm Văn D1 để sử dụng ma túy, lúc này nhà anh D1 không có ai ở nhà. Tại đây, N lấy số ma túy mua được cùng với 02 (Hai) bơm kim tiêm và 01 (Một) lọ nước cất vừa mua ra để xuống đất, T mở túi ma túy ra bỏ toàn bộ số ma túy vào một bơm kim tiêm rồi bỏ nước cất vào pha thành một bơm kim tiêm chứa dung dịch ma túy rồi chia ma túy đã pha thành hai bơm kim tiêm rồi đưa cho N một bơm kim tiêm có chứa ma túy còn T giữ một bơm kim tiêm. Sau đó T và N tự cầm bơm kim tiêm và sử dụng bằng hình thức chích. Khi cả hai sử dụng ma túy xong thì N lấy vỏ hai bơm kim tiêm và vỏ lọ nước cất cuộn vào trong mảnh bìa cát tông rồi bỏ vào túi ni lông màu trắng mang bỏ vào thùng rác ở trước nhà Phạm Văn D1 sau đó cả hai về nhà.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSND ngày 14 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); bị cáo Phạm Văn M và bị cáo Bùi Văn N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của BLHS; bị cáo Phạm Văn K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Phạm Văn M và Bùi Văn N:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù,

được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo Phạm Văn K mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chai nhựa trong suốt, có 01 (Một) lỗ thủng trên thân chai; 01 (Một) nỏ hút được làm bằng cuống lá đu đủ, dài khoảng 10cm; 02 (Hai) xi lanh đã qua sử dụng; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C21Y, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, màu trắng. Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét. Truy thu số tiền bán ma túy của bị cáo Phạm Văn K là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Người làm chứng anh Phạm Văn D1 và chị Phạm Thị Đ1 đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng chị Hà Thị H1 và anh Phạm Thái H2 đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh:

Tối ngày 04/8/2024, tại tầng 2 nhà ở của Nguyễn Văn T tại thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn T và Phạm Văn M đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại hồng phiến. Xác định các bị cáo đã thực hiện hành

vì góp tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ sử dụng ma túy, châm lửa cho nhau để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy.

Chiều ngày 05/8/2024, tại khu vực nhà vệ sinh nhà anh Phạm Văn D1 và chị Hà Thị H1 ở tại thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn T và Bùi Văn N đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại heroin. Xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy, pha ma túy để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Phạm Văn M và bị cáo Bùi Văn N đã có hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS.

Tối ngày 04/8/2024, tại nhà ở của Phạm Văn K tại thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Văn K đã bán trái phép chất ma túy loại hồng phiến cho Nguyễn Văn T với số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn K đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

[3] Xét vai trò đồng phạm trong tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Phạm Văn M và bị cáo Bùi Văn N cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy nên có vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Phạm Văn M và Bùi Văn N từng bị cáo độc lập cùng Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo T nên có vai trò thứ hai, ngang nhau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn T có thân nhân là người có công với nước, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Hành vi tổ chức sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi, mà còn là tiền đề và điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác trong xã hội. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Văn T có thu nhập nên cần áp dụng khoản 5 Điều 255; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo Phạm Văn M, Bùi Văn N và Phạm Văn K không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

01 (Một) chai nhựa trong suốt, có 01 (Một) lỗ thủng trên thân chai; 01 (Một) nỏ hút được làm bằng cuống lá đu đủ, dài khoảng 10cm; 02 (Hai) xi lanh đã qua sử dụng là dụng cụ để sử dụng ma túy, cần tịch thu tiêu hủy.

01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C21Y, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, màu trắng là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền bán ma túy của bị cáo Phạm Văn K là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX màu xám đen, biển kiểm soát 36K5-336.60, bị cáo Bùi Văn N sử dụng đi mua ma túy, xác định chiếc xe mô tô thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Đ1, sinh năm 1992, ở thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Đ1 không biết bị cáo N lấy xe mô tô sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị Đ1 là đúng quy định của pháp luật và hành vi của chị Đ1 không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Theo lời khai của các bị cáo:

Nguồn gốc số ma túy mà bị cáo Phạm Văn K bán cho Nguyễn Văn T vào ngày 04/8/2024 là do Phạm Văn K mua được của một người đàn ông lạ mặt, không rõ tên tuổi, địa chỉ ở khu vực giáp ranh giữa xã Q, huyện N và huyện C, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Nguồn gốc số ma túy mà Bùi Văn N và Nguyễn Văn T sử dụng vào ngày 05/8/2024 là do Bùi Văn N nhờ một người tên “Chiềng” có số điện thoại 0914.857.417, không rõ họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ đi mua ma túy tại khu vực huyện L, với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Quá trình trao đổi mua bán ma túy, người tên “Chiềng” trực tiếp đi gặp người bán ma túy còn Bùi Văn N đứng đợi ở khu vực giáp ranh giữa huyện N và huyện L.

Hiện chưa đủ căn cứ để xử lý đối với các nội dung trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ xử lý sau. HĐXX đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với kết quả giám định Bùi Văn N dương tính với ma túy loại

Methamphetamine, quá trình điều tra xác định Bùi Văn N cách ngày sử dụng ma túy cùng với Nguyễn Văn T ba ngày, N có mua được 02 viên ma túy loại hồng phiến của một người đàn ông lạ mặt ở khu vực ngã tư thị trấn N, huyện N sau đó mang về nhà sử dụng một mình bằng hình thức hút. Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” đối với Bùi Văn N là đúng quy định của pháp luật.

[11] Đối với việc các bị cáo Bùi Văn N và Nguyễn Văn T đã có cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nhà vệ sinh của quán bia nhà anh Phạm Văn D1 và chị Hà Thị H1 ở thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xác định anh D1 và chị H1 không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với anh D1 và chị H1 là có căn cứ.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Nguyễn Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 16/8/2024), được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Phạm Văn M và Bùi Văn N: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn M và bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Phạm Văn M 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 16/8/2024), được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024.

Xử phạt Bùi Văn N 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 01/10/2024), được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Phạm Văn K 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 06/8/2024).

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 255; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Phạm Văn M, Bùi Văn N và Phạm Văn K.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) chai nhựa trong suốt, có 01 (Một) lỗ thủng trên thân chai; 01 (Một) nỏ hút được làm bằng cuống lá đu đủ, dài khoảng 10cm; 02 (Hai) xi lanh đã qua sử dụng kèm bao gói niêm phong.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C21Y, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, màu trắng.

(Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

Truy thu của bị cáo Phạm Văn K số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA tỉnh Thanh Hoá (PC 04);
- CQTHAHS CA tỉnh Thanh Hoá (PC 10);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá –
Phân trại khu vực Bim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Lê Văn Thịnh